

Tân Phước, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995.

5/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1985.

6/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

7/ Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn văn T, ông Nguyễn văn M và ông Nguyễn Văn B cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận diện tích đất là 37,3 m², thuộc một phần thửa đất số 693, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị X1 được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ ghi phần là 1 (Hiện tại do bà Nguyễn Thị X1 đang quản lý, sử dụng), có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp kênh chùa T1, có số đo là 01 m;

Hướng Tây giáp đường đi công cộng, có số đo là 01 m;

Hướng Nam giáp phần 2, có số đo là 26,48m + 3,14m + 8,32m;

Hướng Bắc giáp thửa đất số 132, có số đo là 26,34m + 3,15m + 8 m;

- Công nhận diện tích đất là 182,2 m², thuộc một phần thửa đất số 693, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ ghi phần là 2 (Hiện tại do bà Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng), có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần 6, có số đo là 06 m;

Hướng Tây giáp đường đi công cộng, có số đo là 7,1m;

Hướng Nam giáp phần 3, có số đo là 30,26m;

Hướng Bắc giáp phần 1, có số đo là 26,48m + 3,14m + 8,32m;

- Công nhận diện tích đất là 198,7 m², thuộc một phần thửa đất số 693, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ ghi phần là 3 (Hiện tại do bà Trần Thị H đang quản lý, sử dụng), có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần 6, có số đo là 5,89 m;

Hướng Tây giáp đường đi công cộng, có số đo là 7,1m;

Hướng Nam giáp phần 4, có số đo là 31,07m;

Hướng Bắc giáp phần 2, có số đo là 30,26m;

- Công nhận diện tích đất là 203,9 m², thuộc một phần thửa đất số 693, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho bà Lê Thị C được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ ghi phần là 4 (Hiện tại do bà Lê Thị C đang quản lý, sử dụng), có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần 6, có số đo là 5,89 m;

Hướng Tây giáp đường đi công cộng, có số đo là 7,09m;

Hướng Nam giáp phần 5, có số đo là 31,93m;

Hướng Bắc giáp phần 3, có số đo là 31,07m;

- Công nhận diện tích đất là 79 m², thuộc một phần thửa đất số 693, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho bà Huỳnh Thị H1 được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ ghi phần là 5 (Hiện tại do bà Huỳnh Thị H1 đang quản lý, sử dụng), có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần 6, có số đo là 2,6 m;

Hướng Tây giáp đường đi công cộng, có số đo là 2,34m;

Hướng Nam giáp thửa đất 694, có số đo 20,75m, giáp thửa đất số 695, có số đo là 11,49m;

Hướng Bắc giáp phần 4, có số đo là 31,93m;

- Công nhận diện tích đất là 253,6 m², thuộc một phần thửa đất số 693, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với tài sản trên đất, theo sơ đồ ghi phần là 6 (Hiện tại do bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng), có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp kênh Chùa T1, có số đo là 22,25 m;

Hướng Tây giáp phần 2 có số đo 06m, giáp phần 3 có số đo 5,89m, giáp phần 4 có số đo 5,89m, giáp phần 5 có số đo 2,6m.

Hướng Nam giáp thửa đất 695, có số đo 16,51m;

Hướng Bắc giáp phần 1, có số đo là 8,32m;

(Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng quyền sử dụng đất theo quyết định này.

Các đương sự thống nhất giá đất tranh chấp là: 90.000 đồng/m².

- Về chi phí thẩm định tại chỗ, chi phí định giá là: 5.000.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tự nguyện chịu toàn bộ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đã nộp và đã chi xong.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Huỳnh Thị H1 đều là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào các Điều 12, 14 và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X1 và bà Huỳnh Thị H1.

+ Bà Trần Thị H phải chịu là 447.075 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003432, ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 2.052.925 đồng.

+ Bà Lê Thị C phải chịu là 458.775 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003492, ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; Bà Lê Thị C còn phải nộp thêm 158.775 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu là 570.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003492, ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp thêm 270.600 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Thúy